

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH LÂM ĐỒNG**

Số: 39 /2015/QĐ-UBND

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Đà Lạt, ngày 04 tháng 5 năm 2015

QUYẾT ĐỊNH

VĂN PHÒNG CHÍNH PHỦ

CÔNG VĂN ĐẾN

Giữ... ngày... 04/5

Kính chuyển: TTĐT

**Quy định mức trần thù lao công chứng và thù lao dịch thuật
trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH LÂM ĐỒNG

CÔNG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ CHÍNH PHỦ

ĐẾN Số: S
Ngày: 08/5

Căn cứ Luật tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân ngày 03 tháng 12 năm 2004;

Căn cứ Luật Công chứng ngày 20 tháng 6 năm 2014;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Tư pháp,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định mức trần thù lao công chứng, thù lao dịch thuật và chế độ quản lý, sử dụng tiền thu dịch vụ của hoạt động công chứng trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực sau 10 ngày, kể từ ngày ký ban hành.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc Sở Tài chính, Giám đốc Sở Tư pháp, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố, Trưởng các tổ chức hành nghề công chứng trên địa bàn tỉnh, các sở, ngành có liên quan chịu trách nhiệm thi hành quyết định này. /

Nơi nhận:

- Văn phòng Chính phủ;
- Website Chính phủ;
- Cục Kiểm tra Văn bản – Bộ Tư pháp;
- Cục Công tác phía Nam – Bộ Tư pháp;
- TT Tỉnh ủy, TT HĐND tỉnh;
- Đoàn ĐBQH đơn vị tỉnh Lâm Đồng;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Đài PTTH tỉnh; Báo Lâm Đồng;
- Như Điều 3;
- Trung tâm Công báo tỉnh;
- Cổng thông tin Điện tử tỉnh;
- Website VPUBND tỉnh;
- Lưu: VT, NC.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN

KT. CHỦ TỊCH

PHÓ CHỦ TỊCH



Nguyễn Văn Yên

QUY ĐỊNH

**Mức trần thù lao công chứng, thù lao dịch thuật và chế độ quản lý,
sử dụng tiền thu dịch vụ của hoạt động công chứng
trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng**
(Ban hành kèm theo Quyết định số: 39 /2015/QĐ-UBND ngày 04 tháng 5
năm 2015 của Ủy ban nhân dân tỉnh Lâm Đồng)

Chương I QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quy định mức trần thù lao trong hoạt động công chứng đối với việc soạn thảo hợp đồng, giao dịch, đánh máy, sao chụp, dịch giấy tờ, văn bản và các việc khác liên quan đến việc công chứng theo quy định tại Luật Công chứng năm 2014.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Đối tượng nộp: Tổ chức, cá nhân có yêu cầu thực hiện việc công chứng và dịch thuật.
2. Đơn vị thu: Các tổ chức hành nghề công chứng trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng.

Điều 3. Nguyên tắc áp dụng

1. Các tổ chức hành nghề công chứng phải đăng ký với cơ quan thuế, sử dụng hóa đơn do cơ quan thuế phát hành và thực hiện nghĩa vụ nộp thuế theo quy định.
2. Việc thu, nộp tiền thu thù lao trong hoạt động công chứng và tiền thu thù lao dịch thuật bằng tiền đồng Việt Nam (VNĐ); mức thu được phê duyệt tại Quy định này không bao gồm phí công chứng theo quy định hiện hành.

Chương II NHỮNG QUY ĐỊNH CỤ THỂ

Điều 4. Quy định mức trần thù lao trong hoạt động công chứng

1. Mức trần thù lao cho việc soạn thảo, đánh máy các loại hợp đồng, giao dịch:

STT	Văn bản công chứng	Mức thù lao soạn thảo, đánh máy và in ra 01 bản (đồng)	
		Đơn giản	Phức tạp
01	Các loại hợp đồng, giao dịch		
1.1	Từ 03 trang trở xuống	90.000	120.000
1.2	Từ 04 đến 06 trang	120.000	160.000
1.3	Từ 07 trang trở lên	140.000	180.000
02	Văn bản khai nhận di sản, thỏa thuận phân chia di sản; văn bản từ chối nhận di sản	150.000	200.000
03	Di chúc	150.000	

* Trường hợp văn bản thỏa thuận phân chia di sản, văn bản khai nhận di sản, văn bản từ chối nhận di sản được coi là phức tạp khi có một trong các điều kiện sau:

- Có từ 05 người trở lên thỏa thuận phân chia, khai nhận di sản;
- Thừa kế thế vị;
- Di sản là tài sản ở nhiều nơi;
- Có người làm chứng, người phiên dịch.

* Trường hợp hợp đồng, giao dịch khác được coi là phức tạp khi có một trong các điều kiện sau:

- Các hợp đồng, giao dịch có từ 05 người trở lên tham gia;
- Các hợp đồng, giao dịch chưa được mẫu hóa, không có trên phần mềm, các mẫu hợp đồng, văn bản ban hành kèm theo Thông tư 04/2006/TTLT/BTP-BTNMT ngày 13 tháng 6 năm 2006 của Bộ Tư pháp và Bộ Tài nguyên và Môi trường hướng dẫn việc công chứng của Phòng Công chứng và chứng thực của Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn đối với hợp đồng, văn bản thực hiện quyền của người sử dụng đất;

- Các hợp đồng, giao dịch về bất động sản có tài sản ở nhiều nơi;
- Khi người yêu cầu công chứng đề nghị xác minh đối với hồ sơ công chứng;
- Có người làm chứng, người phiên dịch.

2. Mức trần thù lao cho việc sao chụp, niêm yết hồ sơ và các việc khác liên quan đến hoạt động công chứng:

STT	Loại thù lao các việc khác liên quan đến hoạt động công chứng	Mức thu (đồng)
1	In ấn	5.000/01 trang
2	Sao chụp văn bản (A4)	1.000/01 trang
	Sao chụp văn bản (A3)	2.000/01 trang
3	Niêm yết hồ sơ	
	Dưới 10 km	50.000/ 1 hồ sơ
	Từ 10 – 20 km	100.000/ 1 hồ sơ
	Trên 20 km	150.000/ 1 hồ sơ

Điều 5. Quy định mức trần thu dịch thuật từ tiếng Việt sang tiếng nước ngoài và ngược lại.

1. Mức trần thù lao dịch thuật được tính trên cơ sở thứ tiếng cần dịch và mức độ của giấy tờ, văn bản, cụ thể:

Phân loại	Tiếng	Đơn giản (đồng/trang)	Phức tạp (đồng/trang)
Dịch từ tiếng nước ngoài sang tiếng Việt	Anh, Pháp, Hoa	100.000	130.000
	Nhật, Hàn, Đức	110.000	140.000
	Khác	120.000	150.000
Dịch từ tiếng Việt sang tiếng nước ngoài	Anh, Pháp, Hoa	120.000	150.000
	Nhật, Hàn, Đức	130.000	160.000
	Khác	140.000	170.000

- Trường hợp được xem là phức tạp khi các loại giấy tờ, văn bản chưa được mẫu hóa; các loại giấy tờ văn bản ít được lưu hành, mang tính chuyên ngành, kỹ thuật như: bản tuyên thệ; di chúc; các loại Công hàm do cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài cấp; hợp đồng kinh tế, dân sự, lao động; bản án, quyết định của Tòa án; các văn bản chuyên ngành y khoa, kỹ thuật, pháp luật, văn hóa và các loại giấy tờ, văn bản có hình thức tương tự được phép dịch thuật.

- Đơn vị tính: Một trang văn bản cần dịch có số lượng từ tối đa là 350 từ.

2. Đối với giấy tờ, văn bản có nhiều trang mà nội dung của các trang sau có tính chất, đặc điểm như trang trước (như: Hộ khẩu, học bạ, ...) thì từ trang thứ 02 (hai) trở đi mức thu tính bằng 1/2 mức thu quy định tại khoản 1 Điều này.

Điều 6. Quản lý và sử dụng

1. Đối với Phòng công chứng

1.1. Số tiền thu được từ nguồn thu dịch vụ trong hoạt động công chứng, dịch thuật đối với các Phòng công chứng được chi các khoản như sau:

- a) Chi nộp thuế theo quy định;
- b) Chi trả tiền lương cho người làm dịch vụ;
- c) Các chi phí trực tiếp cho hoạt động dịch vụ như mua văn phòng phẩm, mực in, sửa chữa máy móc.

1.2. Số tiền còn lại sử dụng như sau:

- a) Tăng thu nhập cho công chức, viên chức và hợp đồng lao động trong đơn vị.
- b) Trích lập các quỹ: đầu tư phát triển, khen thưởng, phúc lợi, ổn định thu nhập (nếu có).

2. Đối với Văn phòng công chứng

Số tiền thu được từ nguồn thu dịch vụ hoạt động công chứng là doanh thu của đơn vị. Đơn vị thu có nghĩa vụ nộp thuế theo quy định của pháp luật đối với số tiền thu được và có quyền quản lý, sử dụng số tiền thu sau khi đã nộp thuế theo quy định của pháp luật.

Chương III

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 7.

1. Các tổ chức hành nghề công chứng căn cứ tình hình thực tế, cụ thể để ấn định mức thu cho phù hợp, nhưng không được vượt quá mức trần quy định tại Điều 4 và Điều 5 của quy định này; niêm yết công khai tại nơi giao dịch để các tổ chức, cá nhân có nhu cầu công chứng, dịch thuật biết và thực hiện.

2. Các tổ chức hành nghề công chứng phải mở sổ sách kế toán để theo dõi, hạch toán chi phí, doanh thu các khoản thu dịch vụ công chứng theo pháp luật về kế toán thống kê.

Điều 8. Giao Sở Tư pháp, Sở Tài chính và Cục thuế tỉnh tổ chức, theo dõi, kiểm tra, giám sát quá trình thực hiện quy định này.

Trong quá trình thực hiện, nếu có vướng mắc các tổ chức hành nghề công chứng kịp thời phản ánh đến Sở Tư pháp, Sở Tài chính để báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, điều chỉnh, bổ sung cho phù hợp. /

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN

KT. CHỦ TỊCH

PHÓ CHỦ TỊCH



Nguyễn Văn Yên